

Số: 01/2026/NQ-HĐND

U Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã U Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Xét Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã U Minh về dự thảo Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã U Minh; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-HĐND, ngày 21/9/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân xã U Minh Khóa II, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã U Minh theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã U Minh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổng định mức khoán chi và mức chi cụ thể cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã U Minh

1. Tổng mức chi tối đa trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế được quy định như sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã U Minh: 10.000.000 đồng/01 văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã U Minh: 8.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Trường hợp xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng như sau:

a) Nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Mức chi cụ thể cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã U Minh thực hiện theo Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của cơ quan, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã U Minh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan lập dự toán, quản lý, sử

dụng và thanh quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã U Minh khóa II, kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- UBND xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Hồng Thịnh



PHỤ LỤC I
ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHÍ TUNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG XÂY DỰNG
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ U MINH
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã U Minh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Ban hành mới, thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên (10.000.000)	Sửa đổi, bổ sung 01 văn bản (6.000.000)	Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ (3.000.000)
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000	3.000.000	1.500.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000	600.000	300.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000	600.000	300.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000	1.200.000	600.000
5	Thông qua	10%	1.000.000	600.000	300.000
	Tổng cộng	100%	10.000.000	6.000.000	3.000.000

PHỤ LỤC II
ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG XÂY DỰNG
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ U MINH
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã U Minh)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Ban hành mới, thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên (8.000.000)	Sửa đổi, bổ sung 01 văn bản (4.800.000)	Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ (2.400.000)
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000	3.360.000	1.680.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000	720.000	360.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000	720.000	360.000
	Tổng cộng	100%	8.000.000	4.800.000	2.400.000